TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ thi công thiết bị nội thất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai, bà Tống Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 798/2023/TLST-DS ngày 13/12/2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ thi công thiết bị nội thất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-DS ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1962 (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Tiến D, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số E T, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Thông qua sự giới thiệu của bạn bè, ông Ngô Văn S được biết ông Trần Tiến D là thợ mộc, nên vào ngày 17/9/2022 ông S đã liên hệ và thỏa thuận với ông Trần Tiến D về việc thuê ông D thi công, lắp đặt hệ thống cầu thang bằng gỗ trong công trình nhà ở (đang xây dựng) của ông S trên thửa đất số 234, tờ bản đồ 79, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên lập văn bản là Giấy biên nhận làm cầu thang, ông D xác nhận đã nhận số tiền là 70.000.000 đồng, đến ngày 20/9/2022 ông D ứng thêm số tiền 20.000.000 đồng. Theo đó, ông Trần Tiến D cam kết hoàn thành việc lắp đặt, thi công cầu thang cùng thời điểm ông S xây xong nhà ở.

Đến ngày 20/02/2023, hai bên thống nhất ký Hợp đồng làm nội thất. Ông Trần Tiến D là bên nhận thi công các hạng mục gồm (*ông D chuẩn bị nguyên vật liệu, thi công, PU bề mặt và lắp đặt hoàn thiện*):

+ Cầu thang bằng gỗ C, tay cầu thang kích thước (8x8)cm);

+ 02 trụ cầu thang (trụ đề ba) bằng gỗ C, kích thước (28x28)cm;

+ Trần hiên ngoài trời bằng gỗ Cà te nhập;

+ Cửa phòng ngủ, cửa phòng vệ sinh bằng gỗ Cà te nhập hoặc Căm xe Việt;

Hợp đồng thi công được viết tay do ông Ngô Văn S trực tiếp viết, ông D ký tên tại phần cuối của văn bản xác nhận các nội dung thỏa thuận là đúng. Bên cạnh đó, ông D tự viết thêm để xác nhận các nội dung: "*Tổng số tiền ứng trước và sau nhiều lần đã ứng của anh Ngô Văn S là 170.000.000 đồng là đúng...*". Tại hợp đồng các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng với nội dung ông Trần Tiến D tự viết tay như sau: "*Không hoàn thiện cho anh S, bồi thường gấp đôi số tiền ứng nội thất nhà anh S*".

Để đảm bảo cho việc thi công, ông Trần Tiến D đã tạm ứng của nguyên đơn tổng số tiền 170.000.000 đồng (*bao gồm số tiền ông D tạm ứng ngày 17/9/2022 và 20/9/2022*), ông Trần Tiến D cam kết hoàn thành tất cả các hạng mục cùng thời điểm nhà ở hoàn thiện để đảm bảo thời gian bắt đầu sử dụng nhà ở (thời gian ước tính thực hiện Hợp đồng không chậm quá 03 tháng kể từ ngày hoàn thành xây dựng công trình nhà ở). Nếu vi phạm thời hạn thi công đã thỏa thuận, ông Trần Tiến D phải bồi thường gấp đôi tổng số tiền đã tạm ứng của ông S.

Đến tháng 9/2023, nhà ở của ông S và các hạng mục khác đã hoàn thiện, tuy nhiên, tất cả các hạng mục ông S thuê ông Trần Tiến D thi công đều chưa hoàn thiện, ông D không tiếp tục thực hiện Hợp đồng nên ông S không thể sử dụng căn nhà theo đúng thời gian đã đặt ra. Nhận thấy, ông Trần Tiến D đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng làm nội thất, ngày 15/9/2023 ông S đã gửi Thông báo về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng cho ông D để hai bên tiến hành thanh lý, giải quyết các vấn đề còn tồn đọng. Ông D hứa hẹn nhiều lần sẽ lên nhà ông S để tất toán, thanh lý hợp đồng và trả lại tiền cho ông S nhưng sau đó không gặp cũng không trả tiền như đã cam kết.

Ngày 10/10/2023, ông S đã liên hệ với Văn phòng T để lập Vi bằng số 119/2023/VB-TPLĐA nhằm ghi nhận hiện trạng phần nội thất được ông D thi công tại công trình nhà ở của ông Ngô Văn S. Toàn bộ các vi phạm của ông Trần Tiến D trình bày ở trên đã được ghi nhận và thể hiện bằng hình ảnh trong Vi bằng số 119/2023/VB-TPLĐA.

Vì vậy, ngày 09/11/2023 ông Ngô Văn S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Tuyên bố chấm dứt thực hiện Hợp đồng làm nội thất ngày 20/02/2023 giữa ông Ngô Văn S với ông Trần Tiến D.

+ Buộc ông Trần Tiến D bồi thường cho ông S số tiền 340.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng theo đúng thỏa thuận giữa hai bên.

Đến ngày 26/8/2025, ông Ngô Văn S có văn bản thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông S yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 170.000.000 đồng mà ông Trần Tiến D đã nhận tạm ứng và yêu cầu bị đơn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 170.000.000 đồng.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định sau khi các bên ký hợp đồng dịch vụ thi công thiết bị nội thất, ông Trần Tiến D vi phạm hợp đồng về thời hạn thi công và chất liệu gỗ sử dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận 170.000.000 đồng và bị đơn phải chịu phạt hợp đồng với số tiền 170.000.000 đồng, tổng cộng là 340.000.000 đồng; các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Tiến D (trú tại phường T, tỉnh Đắk Lắk) phải trả số tiền 340.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng dịch vụ thi công nội thất, đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về nội dung, hình thức và hiệu lực của hợp đồng dịch vụ:

Ngày 20/02/2023, ông Ngô Văn S và ông Trần Tiến D thống nhất ký Hợp đồng làm nội thất, các bên lập hợp đồng bằng văn bản viết tay, nội dung thể hiện: Ông Ngô Văn S thuê ông Trần Tiến D thi công các thiết bị nội thất trong công trình xây dựng là căn nhà ở của ông Ngô Văn S; ông D có nghĩa vụ chuẩn bị nguyên vật liệu, thi công, sơn PU bề mặt và lắp đặt hoàn thiện thiết bị:

+ Cầu thang bằng gỗ C, tay cầu thang kích thước (8x8)cm);

+ 02 trụ cầu thang (trụ đề ba) bằng gỗ C, kích thước (28x28)cm;

+ Trần hiên ngoài trời bằng gỗ Cà te nhập;

+ Cửa phòng ngủ, cửa phòng vệ sinh bằng gỗ Cà te nhập hoặc Căm xe Việt;

Để đảm bảo cho việc thi công, ông Trần Tiến D đã tạm ứng của nguyên đơn tổng số tiền 170.000.000 đồng, được ông D xác nhận bằng cách viết thêm nội dung vào hợp đồng: "*Tổng số tiền ứng trước và sau của anh Ngô Văn S là 170.000.000 đồng kể từ ngày 17/9/2022 đến ngày 20/02/2023*".

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng làm nội thất ghi ngày 20/02/2023 giữa các đương sự được lập thành văn bản, trong đó có các điều khoản về công việc, thời hạn thực hiện, giá cả và chất liệu gỗ thi công; tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên tham gia hoàn toàn tự nguyện nên Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 513, 514, 515, 516, 517 và 518 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn S đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh; bị đơn ông Trần Tiến D không tham gia tố tụng mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành thu thập mẫu chữ ký, chữ viết và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Trần Tiến D tại "Giấy biên nhận làm cầu thang" và *"Hợp đồng làm nội thất",* tuy nhiên, tại Công văn số 145/PC09 Phòng K Công an tỉnh Đ xác định: "*Do mẫu chữ ký, chữ viết mang tên Trần Tiến D trên tài liệu mẫu so sánh có số lượng ít (01 mẫu)...nên không đủ yếu tố để tiến hành giám định".* Theo quy định tại khoản 4 Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Tòa án đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3.2] Về chủ thể vi phạm hợp đồng:

- Về chất liệu gỗ sử dụng để thi công: Tại Hợp đồng làm nội thất, các bên thỏa thuận "*Cầu thang tay vịn vuông 08 phân bằng gỗ C, trụ đề ba gỗ Cẩm Việt vuông 28 phân, trần hiên ngoài trời gỗ Cà te nhập, cửa phòng ngủ gỗ Cà te nhập 02 cánh và gỗ Căm xe Việt 02 cánh*". Tuy nhiên, tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 02/2025/KL/GĐTT ngày 04/4/2025, kết luận:

"+ Phần tay cầu thang từ tầng 1 đến tầng 4, tổng chiều dài khoảng 20,04m (không tính phần khuỷu tay chuyển hướng và trụ cầu thang) không phải là loài gỗ Cẩm lai phân bố ở Việt Nam, đây có thể là một loài gỗ được nhập về Việt Nam có tên thường gọi là gỗ C.

+ Phần ốp gỗ trần hiên nhà từ tầng 1 đến tầng 3 không thuộc chủng loài gỗ Cà te nhập khẩu; thuộc gỗ có nguồn gốc xuất xứ nhập vào Việt Nam nên không xác định được chủng loài gỗ.

+ 02 trụ cầu thang hình hộp (trụ đề ba), chưa được ghép nối với cầu thang không phải loài gỗ Cẩm lai có phân bố tại Việt Nam, đây là một loài gỗ được nhập về Việt Nam có tên thường gọi là gỗ Cẩm; cả 02 trụ cầu thang đều được ghép nối từ 04 đoạn với cùng một loài gỗ.

+ 04 bộ cửa được làm từ 02 loài gỗ: 01 loài không phải là loài gỗ có tên thường gọi Cà te trong danh mục gỗ nhập khẩu vào Việt Nam và 01 loài còn lại

cũng không phải loài gỗ Căm xe phân bố ở Việt Nam; 02 loài gỗ này có nguồn gốc xuất xứ nhập vào Việt Nam nên không thể xác định được cụ thể chủng loài gỗ".

- Về thời hạn thi công: Tại Hợp đồng các bên thỏa thuận thời hạn thi công không quá 03 tháng kể từ ngày ông Ngô Văn S hoàn thành công trình xây dựng nhà ở. Ngày 15/9/2023, ông S đã có Thông báo về việc ông D vi phạm thời hạn thi công và chấm dứt thực hiện Hợp đồng thi công nội thất, thông báo gửi cho ông Trần Tiến D thông qua dịch vụ bưu chính (bút lục 01-02) nhưng phía bị đơn không liên hệ với nguyên đơn để giải quyết hậu quả của hợp đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông Trần Tiến D đã sử dụng loài gỗ khác để thi công các thiết bị nội thất, bị đơn vi phạm các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng về thời hạn thi công và chất liệu gỗ thi công.

[3.3] Về trị giá các công việc mà bị đơn đã thực hiện:

Theo trình bày của nguyên đơn, để ghi nhận hiện trạng thiết bị nội thất mà ông D đã thi công một phần, ngày 10/10/2023 ông S đề nghị Văn phòng T lập Vi bằng số 119/2023/VB-TPLĐA. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2024 của Tòa án thể hiện:

"+ Phần cầu thang tổng chiều dài từ tầng 1 đến tầng 4 là 20,04m (không tính chiều dài khuỷu chuyển hướng và trụ cầu thang), tay cầu thang dạng hình hộp vuông (8x8)cm; có 31 trụ đỡ tay cầu thang, mỗi trụ dạng hình hộp vuông (8x8)cm, cao 80cm.

+ 02 trụ cầu thang (trụ đề ba) dạng hình hộp vuông (27x27)cm, cao 1,15m (không đưa vào sử dụng).

+ Phần ốp gỗ trần hiên: Tầng 1 diện tích 28,46m^2; tầng 2 diện tích 21,56m^2; tầng 3 diện tích 21,56m^2; được thi công bằng phương pháp ghép nhiều tấm gỗ có kích thước (0,1x1,15)m, dày 1,5cm.

+ Phần cửa: Gồm 02 cửa nhà vệ sinh tại tầng 1 và tầng 2; 02 cửa phòng ngủ tại tầng 2".

Nguyên đơn xác định tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ các thiết bị nêu trên đã được ông S thuê bên thứ ba hoàn thiện đưa vào sử dụng. Sau khi ký hợp đồng thi công, phần cầu thang ông D mới chỉ gắn tạm các thanh gỗ thô, chưa sơn PU, ông S phải thuê bên thứ ba hoàn thiện gắn khuỷu chuyển hướng, sơn PU, mua trụ cầu thang (trụ đề ba) khác để gắn vào cầu thang; phần cửa chưa hoàn thiện, chưa đóng khóa, chưa sơn PU, chưa lắp đặt; phần trần hiên ốp gỗ đã hoàn thiện việc lắp đặt nhưng chưa sơn PU.

Trên cơ sở nội dung Vi bằng, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp, Tòa án đã có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn xác định trị giá công việc, tài sản mà ông Trần Tiến D đã thực hiện theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng làm nội thất. Tại Công văn số 923/TCKH-HCSN ngày 18/6/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố B xác định: "*Căn cứ vào kết luận giám định thì chưa có cơ sở để xác định giá trị các loài gỗ của từng hạng mục thi công thiết bị nội thất*".

[3.4] Từ những nhận định nêu trên, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bị đơn ông Trần Tiến D đã vi phạm nghiêm trọng các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng làm nội thất về thời hạn thi công và chất liệu gỗ sử dụng để thi công.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng, buộc ông Trần Tiến D phải trả lại số tiền đã ứng 170.000.000 đồng và chịu phạt vi phạm hợp đồng số tiền 170.000.000 đồng (tổng cộng là 340.000.000 đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 516 và 418 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; 6.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định.

Căn cứ vào Điều 157 và 161 Bộ luật tố tụng dân sự, cần buộc bị đơn ông Trần Tiến D phải trả lại cho ông Ngô Văn S tổng số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng nêu trên mà nguyên đơn đã nộp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Ngô Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức: (340.000.000 đồng x 5%) = 17.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 93, 147, 157, 161, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 418, 513, 514, 515, 516, 517 và 518 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S.

- Tuyên bố chấm dứt thực hiện Hợp đồng làm nội thất ghi ngày 20/02/2023 giữa ông Ngô Văn S và ông Trần Tiến D.

- Buộc ông Trần Tiến D phải trả cho ông Ngô Văn S số tiền 340.000.000 đồng (*ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định: Buộc ông Trần Tiến D phải trả lại cho ông Ngô Văn S tổng số tiền 7.500.000 đồng (trong đó 1.500.000 đồng chí phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 6.000.000 đồng chí phí trưng cầu giám định mà ông Ngô Văn S đã nộp tạm ứng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Ngô Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Tiến D phải chịu 17.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng